

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **16/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 04/4/2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân
gia đình về ly hôn, nuôi con.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Ngô Phiên;

2/ Bà Nguyễn Thị Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Trang- Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2024/TLST- DS ngày 02/12/2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đàm Văn K, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản D, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn (chị Lưu Thị H) trình bày:

Chị H và anh Đàm Văn K có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 17/12/2020. Sau khi cưới chị H chuyển khẩu về gia đình anh K ngay, vợ chồng chung sống cùng với gia đình. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều quan điểm sống bất

đồng, không hợp nhau về cuộc sống, một phần do anh [K](#) không có công ăn việc làm ổn định và không tu chí làm ăn, thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng hòa thuận nhưng cũng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị [H](#) đã chuyển ra khỏi nhà anh [K](#) từ tháng 02/2022 về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị [H](#) xác định không còn tình cảm gì với anh [K](#), vì vậy chị [H](#) đã làm đơn xin ly hôn anh [K](#), đề nghị Tòa giải quyết để vợ chồng chị [H](#) được ly hôn.

- Về con chung: Chị [H](#) xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu [Đàm Thị Hoài T](#), sinh ngày 21/6/2022, hiện nay cháu [T](#) đang ở cùng chị [H](#), cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị [H](#) đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị [H](#) tiếp tục nuôi dưỡng cháu [T](#). Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị [H](#) yêu cầu anh [K](#) phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị [H](#) số tiền 2 triệu đồng/1 tháng. Tại bản tự khai và tại biên bản mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị [H](#) không yêu cầu anh [K](#) phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị [H](#), chị [H](#) tự thỏa thuận với anh [K](#), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn (anh [Đàm Văn K](#)):* Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57; các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị [Luu Thị H](#) được ly hôn anh [Đàm Văn K](#);

Về con chung: Giao chị [Luu Thị H](#) trực tiếp nuôi con chung là cháu [Đàm Thị Hoài T](#), sinh ngày 21/6/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị [Luu Thị H](#) về việc yêu cầu anh [Đàm Văn K](#) phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị [H](#). Anh [Đàm Văn K](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [H](#) cho đến khi đương sự có yêu cầu.

Anh [Đàm Văn K](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tiền án phí: Chị [Luu Thi H](#) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001857 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị [H](#) đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1].1. Chị [H](#) làm đơn xin ly hôn anh [K](#), yêu cầu nuôi con chung, về tài sản không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình về “ly hôn, nuôi con” quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1].2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh [Đàm Văn K](#) hiện có hộ khẩu thường trú tại [Bản D, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1].3. Về việc vắng mặt của chị [H](#), anh [K](#): Chị [H](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh [K](#) đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Vì vậy, xác định anh [K](#) cố tình lẩn tránh khai báo nhằm mục đích gây khó khăn cho chị [H](#) và Tòa án trong việc giải quyết ly hôn giữa chị [H](#) và anh [K](#). Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị [Luu Thi H](#) và anh [Đàm Văn K](#).

[2]. Về nội dung:

[2].1. Về quan hệ hôn nhân: Chị [Luu Thi H](#) và anh [Đàm Văn K](#) kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Tại bản khai của chị [H](#) xác định tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị [H](#) đã chuyển ra khỏi nhà anh [K](#) từ tháng 02/2022 về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Phía anh [K](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh [K](#) không đến làm việc theo giấy triệu tập và thông báo, cũng không có ý kiến phản hồi gì. Xác minh địa phương cung cấp, vợ chồng chị [H](#), anh [K](#) trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân nhiều năm. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân trên thực tế đã không tồn

tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh K là phù hợp.

[2].2. Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đàm Thị Hoài T, sinh ngày 21/6/2022, hiện nay cháu T đang ở với chị H, cháu vẫn phát triển bình thường, sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu T. Địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị H có 01 con gái sinh năm 2022 hiện đang ở cùng chị H. Xét thấy, cháu T vẫn ở với chị H từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu T vẫn còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và tránh việc xáo trộn trong cuộc sống của cháu bé, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng là phù hợp, vì vậy yêu cầu của chị H về việc nuôi con cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H số tiền 2 triệu đồng/1 tháng. Quá trình giải quyết, chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án. Vì vậy, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị H, do đó anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H cho đến khi đương sự có yêu cầu.

[2].3. Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57; các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H được ly hôn anh Đàm Văn K;

Về con chung: Giao chị Lưu Thị H trực tiếp nuôi con chung là cháu Đàm Thị Hoài T, sinh ngày 21/6/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị H về việc yêu cầu anh Đàm Văn K phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Anh Đàm Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H cho đến khi đương sự có yêu cầu.

Anh Đàm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tiền án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001857 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Tam Tiến;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn